

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
SANEST KHÁNH HÒA**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9 - 10
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 35

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675916 thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 11 năm 2017 được cấp bởi Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ hai ngày 07 tháng 7 năm 2020 bởi Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa do thay đổi người đại diện theo pháp luật và ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : 0258 3865 666
- Fax : 0258 3865 664

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Đức Tiến	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Bà Bùi Thị Hạnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Lê Huỳnh Phụng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Xuân Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2024
Bà Võ Thị Liễu Nhi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Hoàng Thị Ân Vũ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Minh Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Bà Huỳnh Thị Trần Lê	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban quản lý, điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Lê Thị Hồng Vân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2024
Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2024
Ông Lê Huỳnh Phụng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ông Nguyễn Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Trương Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2024
Bà Ngô Thị Hương Liên	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bà Ngô Thị Xuân Nghĩa	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đức Tiến – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2020).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Quý IV của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Lê Đức Tiến

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 23 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		581.164.845.774	700.765.909.596
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	127.182.713.162	130.738.372.173
1. Tiền	111		82.126.630.970	63.738.372.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.056.082.192	67.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.638.174.043	304.048.397.662
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	75.228.277.040	289.630.959.232
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.654.425.519	6.517.312.136
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5.755.471.484	7.900.126.294
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		356.062.663.437	258.133.228.940
1. Hàng tồn kho	141	V.5	356.062.663.437	258.133.228.940
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.281.295.132	7.845.910.821
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	5.476.428.306	4.924.246.523
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.806.246.487	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.998.620.339	2.921.664.298
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		200.820.261.069	226.820.525.298
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		105.067.543.570	104.469.195.732
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	104.884.821.351	104.134.306.845
- Nguyên giá	222		349.944.969.436	324.691.322.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(245.060.148.085)	(220.557.015.699)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	182.722.219	334.888.887
- Nguyên giá	228		924.277.779	924.277.779
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(741.555.560)	(589.388.892)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.858.232.850	18.479.517.389
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	6.858.232.850	18.479.517.389
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		72.000.000.000	72.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	72.000.000.000	72.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.894.484.649	31.871.812.177
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	13.976.207.237	30.028.689.601
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	2.918.277.412	1.843.122.576
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		781.985.106.843	927.586.434.894

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		367.759.218.211	486.360.175.517
I. Nợ ngắn hạn	310		364.400.993.711	484.176.401.517
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	208.093.140.590	195.066.105.549
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	718.127.056	4.835.326
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13.948.096.444	20.319.955.669
4. Phải trả người lao động	314	V.15	12.353.517.270	68.190.343.027
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	-	35.168.347.717
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	4.492.884.514	3.608.570.206
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	105.011.428.423	135.264.976.253
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	19.783.799.414	26.553.267.770
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.358.224.500	2.183.774.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	3.358.224.500	2.183.774.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		414.225.888.632	441.226.259.377
I. Vốn chủ sở hữu	410		414.225.888.632	441.226.259.377
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	330.000.000.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		330.000.000.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	34.425.737.740	29.872.518.647
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	49.800.150.892	81.353.740.730
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.657.740.730	81.353.740.730
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		38.142.410.162	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		781.985.106.843	927.586.434.894

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Ngô Thị Xuân Nghĩa
Người lập/Phụ trách kế toán**Lê Hoàng Anh**
Tổng Giám đốc**Lê Đức Tiến**
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Dạng đầy đủ)
Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	303.160.745.668	466.286.346.713	1.132.819.666.349	1.836.960.856.113
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3.343.722.900	-	3.343.722.900	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	299.817.022.768	466.286.346.713	1.129.475.943.449	1.836.960.856.113
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	206.795.161.032	346.672.467.684	836.047.064.654	1.400.145.882.727
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		93.021.861.736	119.613.879.029	293.428.878.795	436.814.973.386
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.924.302.785	15.828.617.255	9.180.721.492	16.748.618.962
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	864.336.265	941.311.904	3.607.974.973	4.745.294.018
Trong đó: chi phí lãi vay	23		857.651.298	939.005.877	3.598.410.432	4.509.084.651
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	68.083.563.780	76.311.764.391	181.374.354.568	241.949.594.598
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.944.451.959	19.622.793.495	53.596.919.332	76.618.143.605
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.053.812.517	38.566.626.494	64.030.351.414	130.250.560.127
11. Thu nhập khác	31	VI.7	36.699.107	131.071.444	602.264.739	459.356.004
12. Chi phí khác	32	VI.8	101.725	340.850	2.050.523	8.805.854
13. Lợi nhuận khác	40		36.597.382	130.730.594	600.214.216	450.550.150
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.090.409.899	38.697.357.088	64.630.565.630	130.701.110.277
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4.284.978.060	4.684.817.702	12.993.009.207	17.362.998.612
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.075.154.836)	-	(1.075.154.836)	6.413.956.885
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.880.586.675	34.012.539.386	52.712.711.259	106.924.154.780
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10				

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Ngô Thị Xuân Nghĩa
Người lập/Phụ trách kế toán

Lê Hoàng Anh
Tổng Giám đốc



Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.630.565.630	130.701.110.277
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7,8	25.498.126.506	27.724.052.089
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.632.353.465)	(16.631.864.220)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.598.410.432	4.509.084.651
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		85.094.749.103	146.302.382.797
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		207.050.553.106	(256.890.716.713)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.5	(97.929.434.497)	162.388.456.472
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(82.305.340.615)	68.427.597.029
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.6	15.500.300.581	12.019.299.917
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(3.598.410.432)	(4.509.084.651)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(7.789.982.998)	(32.831.389.606)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	411.080.000	356.725.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(17.074.586.541)	(11.067.303.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		99.358.927.707	84.195.966.315
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7,8; VII	(12.770.233.172)	(24.077.646.079)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.630.743.784	5.384.153.120
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.139.489.388)	(18.693.492.959)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

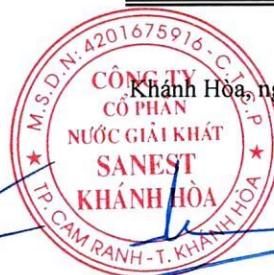
Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	334.277.817.233	359.162.812.238
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(363.356.914.563)	(282.755.893.142)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(69.696.000.000)	(63.855.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(98.775.097.330)	12.551.919.096
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.555.659.011)	78.054.392.452
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	130.738.372.173	52.683.979.721
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	127.182.713.162	130.738.372.173

Ngô Thị Xuân Nghĩa
Người lập/Phụ trách kế toán**Lê Hoàng Anh**
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ Yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu giảm do sức mua giảm làm cho lợi nhuận năm nay giảm so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	Lô 10 Cụm Công nghiệp Diên Phú - VCN, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn, bán lẻ thực phẩm
Công ty TNHH MTV Chế biến Đặc sản Yến sào	Lô TP3 Cụm Công nghiệp Sông Cầu, xã Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn thực phẩm

Tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại các công ty con là 100%.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 860 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 922 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là giá trị lợi thế kinh doanh, chi phí thuê mặt bằng và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí không quá 10 năm kể từ ngày Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Chi phí thuê mặt bằng
Chi phí thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Công cụ, dụng cụ
Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động
Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình
Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	05

10. Tài sản cố định vô hình
Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

mà Công ty đã chỉ ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt) để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chia cổ tức của Công ty.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lợi nhuận được chia

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:
- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
 - Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan
Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận
Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	734.817.960	947.405.611
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	81.391.813.010	62.790.966.562
Các khoản tương đương tiền	45.056.082.192	67.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	45.056.082.192	67.000.000.000
Cộng	127.182.713.162	130.738.372.173

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>58.299.690.005</i>	<i>208.333.104.125</i>
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	22.271.888.327	144.038.084.225

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Chế biến Đặc sản Yến sào	10.843.642.396	41.990.486.605
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	20.253.708.938	18.554.249.161
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	2.772.792	1.686.669.156
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh	4.927.677.552	2.030.619.456
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	-	32.995.522
Phải thu các khách hàng khác	16.928.587.035	81.297.855.107
Các khách hàng khác	16.928.587.035	81.297.855.107
Cộng	75.228.277.040	289.630.959.232

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	82.677.866
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	-	82.677.866
Trả trước cho các người bán khác	2.654.425.519	6.434.634.270
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng CIC	-	1.504.681.000
Các nhà cung cấp khác	2.654.425.519	4.929.953.270
Cộng	2.654.425.519	6.517.312.136

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	4.185.804.337	-	6.847.118.660	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Đặc sản Yến sào - Lợi nhuận được chia	4.185.804.337	-	6.847.118.660	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.569.667.147	-	1.053.007.634	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	140.033.891	-	126.033.891	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội của người lao động	637.031.744	-	626.151.640	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	792.601.512	-	300.822.103	-
Cộng	5.755.471.484	-	7.900.126.294	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	198.468.482.066	-	162.601.479.533	-
Công cụ, dụng cụ	77.055.137.230	-	70.104.869.438	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.674.150.213	-	4.820.842.954	-
Thành phẩm	51.685.686.395	-	6.636.128.816	-
Hàng hóa	2.916.329.279	-	4.629.877.978	-

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng gửi đi bán	2.262.878.254	-	9.340.030.221	-
Cộng	356.062.663.437	-	258.133.228.940	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.430.884.867	1.862.140.278
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	318.647.222	534.750.833
Các chi phí khác	3.726.896.217	2.527.355.412
Cộng	5.476.428.306	4.924.246.523

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.896.470.354	3.556.022.184
Chi phí thuê mặt bằng	167.384.615	95.000.000
Giá trị lợi thế kinh doanh	11.519.516.065	26.110.903.125
Các chi phí trả trước dài hạn khác	392.836.203	266.764.292
Cộng	13.976.207.237	30.028.689.601

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	139.558.862.023	155.753.969.972	16.938.394.929	473.940.000	11.966.155.620	324.691.322.544
Mua trong kỳ	-	1.754.800.000	-	39.545.455	-	1.794.345.455
Đầu tư xây dựng hoàn thành	23.871.656.904	983.202.962	-	-	34.919.500	24.889.779.366
Giảm khác	(1.430.477.929)	-	-	-	-	(1.430.477.929)
Số cuối kỳ	162.000.040.998	158.491.972.934	16.938.394.929	513.485.455	12.001.075.120	349.944.969.436
Trong đó:						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	5.344.719.983	115.585.519.111	6.161.384.900	297.049.091	2.465.673.451	129.854.346.536
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	86.375.700.859	118.118.455.586	8.770.444.658	342.038.435	6.950.376.161	220.557.015.699
Khấu hao trong kỳ	11.830.613.769	11.342.319.797	1.149.216.513	71.507.626	1.088.873.376	25.482.531.081
Giảm khác	(979.398.695)	-	-	-	-	(979.398.695)
Số cuối kỳ	97.226.915.933	129.460.775.383	9.919.661.171	413.546.061	8.039.249.537	245.060.148.085
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	53.183.161.164	37.635.514.386	8.167.950.271	131.901.565	5.015.779.459	104.134.306.845
Số cuối kỳ	64.773.125.065	29.031.197.551	7.018.733.758	99.939.394	3.961.825.583	104.884.821.351

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số máy móc thiết bị có giá trị còn lại tại ngày cuối kỳ là 9.996.685.055 VND đã được thế chấp để đảm bảo thanh toán cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18b).

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	924.277.779	589.388.892	334.888.887
Khấu hao trong kỳ	-	152.166.668	-
Số cuối kỳ	924.277.779	741.555.560	182.722.219

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	945.202.962	87.293.000	(1.018.122.462)	(4.220.000)	10.153.500
Xây dựng cơ bản dở dang	17.534.314.427	14.219.140.736	(23.871.656.904)	(1.033.718.909)	6.848.079.350
- Nhà văn phòng 2	9.517.498.990	2.125.060.605	(11.642.559.595)	-	-
- Các công trình khác	8.016.815.437	12.094.080.131	(12.229.097.309)	(1.033.718.909)	6.848.079.350
Cộng	18.479.517.389	14.306.433.736	(24.889.779.366)	(1.037.938.909)	6.858.232.850

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 381.131.209 VND (kỳ trước là 52.994.801 VND).

10. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Đặc sản Yến sào ⁽ⁱⁱ⁾	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Cộng	72.000.000.000	-	72.000.000.000	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201853950 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2019 và điều chỉnh lần thứ nhất ngày 07 tháng 7 năm 2020 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201962780 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 8 năm 2022 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Chế biến Đặc sản Yến sào 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con hoạt động bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch quan trọng với các công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	58.519.954.984	75.683.052.034
Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu (chưa có VAT)	181.593.347.710	271.849.515.313
Công ty được chia lợi nhuận	3.114.003.238	8.504.490.770
<i>Công ty TNHH MTV Chế biến Đặc sản Yến sào</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	38.975.909.109	50.018.613.520
Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu (chưa có VAT)	1.784.908.635	2.329.434.900
Công ty được chia lợi nhuận	4.185.804.337	6.847.118.660

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các chi phí phải trả, phát sinh trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.843.122.576	8.257.079.461
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.075.154.836	(6.413.956.885)
Số cuối kỳ	2.918.277.412	1.843.122.576

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	5.595.408.130	14.732.856.408
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	-	11.786.860.904
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	4.050.061.190	1.883.890.467
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	421.451.124	514.561.308
Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng Sanatech Land	998.878.379	123.305.360

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	-	270.000.000
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	8.550.003	25.576.363
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận chuyển Nam Anh	116.467.434	128.662.006
Phải trả các nhà cung cấp khác	202.497.732.460	180.333.249.141
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	-	60.724.337.624
Công ty TNHH Bao Bì Nước giải khát Crown Đà Nẵng	34.925.659.587	-
Các nhà cung cấp khác	167.572.072.873	119.608.911.517
Cộng	208.093.140.590	195.066.105.549

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng khác	718.127.056	4.835.326
Cộng	718.127.056	4.835.326

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.678.943.011	-	18.075.693.628	(31.753.256.978)	-	2.998.620.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.921.664.298	12.993.009.207	(7.789.982.998)	2.281.361.911	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.625.611.788	-	11.965.893.619	(9.941.586.164)	11.649.919.243	-
Lệ phí môn bài	-	-	11.000.000	(11.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	15.400.870	-	320.596.667	(319.182.247)	16.815.290	-
Cộng	20.319.955.669	2.921.664.298	43.366.193.121	(49.815.008.387)	13.948.096.444	2.998.620.339

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Hàng xuất khẩu : 0%
- Đường phèn, đường kết tinh, nước sạch : 5%
- Hàng hóa khác : 10%

Năm 2024, thuế suất giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64.630.565.630	130.701.110.277
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.634.287.978	1.337.350.893
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(32.129.170.698)
Thu nhập chịu thuế	72.264.853.608	99.909.290.472
Thu nhập được miễn thuế	(7.299.807.575)	(15.351.609.430)
Thu nhập tính thuế	64.965.046.033	84.557.681.042
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	12.993.009.207	16.911.536.208
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	451.462.404
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	12.993.009.207	17.362.998.612

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương còn phải trả cho người lao động	12.353.517.270	68.190.343.027
Cộng	12.353.517.270	68.190.343.027

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các chi phí phục vụ hoạt động bán hàng	-	34.889.436.887
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	278.910.830
Cộng	-	35.168.347.717

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	173.922.792	50.878.973
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	173.922.792	50.878.973
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.318.961.722	3.557.691.233
Tài sản thừa chờ xử lý	1.012.253.081	1.197.980.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	3.246.230.952	2.299.233.544
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	60.477.689	60.477.689
Cộng	4.492.884.514	3.608.570.206

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	103.739.428.423	134.742.976.253
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	62.064.873.988	72.023.714.190
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	41.674.554.435	43.101.272.745
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa	-	19.617.989.318
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	1.272.000.000	522.000.000
Cộng	105.011.428.423	135.264.976.253

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2024/HM-SANEST ngày 30 tháng 5 năm 2024. Khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định, hạn mức vay là 150 tỷ đồng, thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay hạn mức số 40/2024-HĐCVHM/NHCT580-KHDNL ngày 01 tháng 7 năm 2024, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 30/06/2025, thời gian vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn	134.742.976.253	331.206.366.733	(362.209.914.563)	-	103.739.428.423
Vay dài hạn đến hạn trả	522.000.000	-	(1.147.000.000)	1.897.000.000	1.272.000.000
Cộng	135.264.976.253	331.206.366.733	(363.356.914.563)	1.897.000.000	105.011.428.423

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	3.358.224.500	2.183.774.000
Cộng	3.358.224.500	2.183.774.000

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay dài hạn.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2023/TDH-SANEST ngày 31/07/2023. Mục đích vay để thanh toán các khoản chi phí và bù đắp các khoản chi phí mà Công ty đã thanh toán chi phí liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà Văn phòng 2 tại Nhà máy nước giải khát cao cấp Yên sào. Hạn mức cho vay là 10 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng. Lãi vay tại ngày kết thúc năm tài chính là 7,6%/năm.

Khoản vay được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp một số máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 0123/MMTB-SANEST ngày 31/07/2023 và Hợp đồng sửa đổi ngày 06/05/2024 (xem thuyết minh số V.7).

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.272.000.000	522.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	3.358.224.500	2.183.774.000
Cộng	4.630.224.500	2.705.774.000

Phát sinh về khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.183.774.000	-
Số tiền vay phát sinh	3.071.450.500	2.792.774.000
Số tiền vay đã trả	-	(87.000.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(1.897.000.000)	(522.000.000)
Số cuối kỳ	3.358.224.500	2.183.774.000

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Nhận khen thưởng	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	215.784.536	711.805.648	260.000.000	(1.140.900.000)	46.690.184
Quỹ phúc lợi	26.337.483.234	8.394.632.537	151.080.000	(15.146.086.541)	19.737.109.230
Cộng	26.553.267.770	9.106.438.185	411.080.000	(16.286.986.541)	19.783.799.414

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	330.000.000.000	21.880.009.883	63.860.613.995	415.740.623.878
Chia cổ tức năm 2022	-	-	(63.855.000.000)	(63.855.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	106.924.154.780	106.924.154.780
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	7.992.508.764	(7.992.508.764)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(15.985.017.529)	(15.985.017.529)
Tạm trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(1.598.501.752)	(1.598.501.752)
Số dư cuối kỳ trước	330.000.000.000	29.872.518.647	81.353.740.730	441.226.259.377
Số dư đầu năm nay	330.000.000.000	29.872.518.647	81.353.740.730	441.226.259.377
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	52.712.711.259	52.712.711.259
Chia cổ tức năm 2023	-	-	(69.696.000.000)	(69.696.000.000)
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	4.553.219.093	(4.553.219.093)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(9.106.438.185)	(9.106.438.185)
Tạm trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(910.643.819)	(910.643.819)
Số dư cuối kỳ này	330.000.000.000	34.425.737.740	49.800.150.892	414.225.888.632

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	168.500.000.000	168.500.000.000
Các cổ đông khác	161.500.000.000	161.500.000.000
Cộng	330.000.000.000	330.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.000.000	33.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 tại Nghị quyết số 01/2024/ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/NQ-SKH ngày 24 tháng 9 năm 2024 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số được
phân phối năm trước

	Số được phân phối theo BCTC hợp nhất	Trong đó: Số được phân phối của Công ty mẹ	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
Chia cổ tức cho cổ đông	69.696.000.000	69.696.000.000	-	69.696.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	10.250.098.384	7.992.508.764	7.992.508.764	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	20.500.196.773	15.985.017.529	15.985.017.529	-
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	2.050.019.675	1.598.501.752	1.598.501.752	-

Ngoài ra, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 4.553.219.093
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 9.106.438.185
• Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	: 910.643.819

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền chỉ có 1,746.13 USD (số đầu năm là 53,814.17 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	302.122.438.234	465.336.382.829	1.129.408.584.712	1.830.265.050.970
Doanh thu bán nguyên vật liệu	473.094.350	456.488.600	1.388.894.150	3.677.781.060
Doanh thu khác	565.213.084	493.475.284	2.022.187.487	3.018.024.083
Tổng doanh thu	303.160.745.668	466.286.346.713	1.132.819.666.349	1.836.960.856.113
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.343.722.900	-	3.343.722.900	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	299.817.022.768	466.286.346.713	1.129.475.943.449	1.836.960.856.113

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	123.107.157.166	215.637.945.311	455.798.150.506	787.055.054.186
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	15.594.944.525	29.439.472.000	58.645.825.501	106.049.336.825
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	206.935.264	324.769.900	892.736.364	8.139.859.900
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	64.604.100	127.245.300	478.165.300	1.693.219.400
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	67.598.000	313.618.400	716.559.600	5.370.978.100
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	2.567.400	1.630.006.800	2.018.079.700	3.045.221.300
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh	5.952.501.600	1.884.513.600	7.936.903.200	5.716.582.800

2. Giá vốn hàng bán

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	205.758.645.899	345.852.752.354	833.320.587.260	1.394.264.135.266
Giá vốn của nguyên vật liệu	473.094.350	453.102.375	1.387.957.318	3.672.593.655
Giá vốn khác	563.420.783	366.612.955	1.338.520.076	2.209.153.806
Cộng	206.795.161.032	346.672.467.684	836.047.064.654	1.400.145.882.727

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	537.111.423	466.290.014	1.783.625.124	1.280.254.790
Lợi nhuận được chia	7.299.807.575	15.351.609.430	7.299.807.575	15.351.609.430
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	87.383.787	10.717.811	97.288.793	116.754.742
Cộng	7.924.302.785	15.828.617.255	9.180.721.492	16.748.618.962

4. Chi phí tài chính

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	857.651.298	939.005.877	3.598.410.432	4.509.084.651
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.684.967	2.306.027	9.564.541	236.209.367
Cộng	864.336.265	941.311.904	3.607.974.973	4.745.294.018

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.388.716.461	6.914.459.916	16.658.720.617	34.831.920.245
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, dụng cụ	10.775.308.515	3.566.289.753	21.438.402.561	14.565.099.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.263.984	49.602.346	182.648.463	156.058.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.318.175.080	7.118.135.949	24.955.150.873	25.783.727.448
Các chi phí khác	46.571.099.740	58.663.276.427	118.139.432.054	166.612.788.627
Cộng	68.083.563.780	76.311.764.391	181.374.354.568	241.949.594.598

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.672.092.830	12.361.314.904	29.037.376.013	47.068.857.088
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	616.553.014	724.507.496	2.436.828.777	2.495.119.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	212.789.553	163.642.005	850.520.382	591.278.915
Thuế, phí và lệ phí	53.267.031	108.820.000	317.099.322	256.965.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.366.009.947	2.490.433.051	6.328.706.019	11.866.125.898
Các chi phí khác	2.023.739.584	3.774.076.039	14.626.388.819	14.339.796.418
Cộng	10.944.451.959	19.622.793.495	53.596.919.332	76.618.143.605

7. Thu nhập khác

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ xử lý kết quả kiểm kê	7.085.146	-	554.257.778	294.520.000
Thu nhập từ hoạt động hợp tác	29.613.961	29.726.244	29.613.961	59.226.604
Thu nhập khác	-	101.345.200	18.393.000	105.609.400
Cộng	36.699.107	131.071.444	602.264.739	459.356.004

8. Chi phí khác

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	101.725	340.850	2.050.523	8.805.854
Cộng	101.725	340.850	2.050.523	8.805.854

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	6.413.956.885
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.075.154.836)	-	(1.075.154.836)	-
Cộng	(1.075.154.836)	-	(1.075.154.836)	6.413.956.885

10. Lãi trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	247.168.142.829	278.323.323.343	738.147.120.956	929.742.092.146
Chi phí nhân công	23.762.812.718	57.133.286.804	134.830.875.353	242.259.695.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.142.538.926	7.221.640.152	25.498.126.506	27.724.052.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.696.785.920	16.686.629.285	49.519.440.730	59.689.595.250
Các chi phí khác	48.730.791.373	65.754.580.394	134.875.411.851	184.940.158.331
Cộng	341.501.071.766	425.119.459.978	1.082.870.975.396	1.444.355.593.444

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty đã căn trừ khoản phải thu về lợi nhuận được chia với khoản nợ phải trả với số tiền là 3.114.003.238 VND (kỳ trước là 14.939.747.809 VND).

2. Công nợ liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, công nợ liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ứng trước tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	205.920.000	2.099.409.364
Phải trả tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.209.979.979	2.947.433.476

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại V.17.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt
Tổng tiền lương/thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Số lượng (người)	Tổng tiền lương và thù lao năm nay	Tổng tiền lương và thù lao năm trước
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành chuyên trách		2.593.055.000	3.683.960.000
Tổng Giám đốc	01	88.744.000	642.240.000
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm			
Phó Tổng Giám đốc	02	1.008.439.000	1.239.880.000
Phó Tổng Giám đốc	02	560.942.000	619.940.000
Trưởng Ban kiểm soát	01	503.600.000	631.090.000
Kế toán trưởng	01	431.330.000	550.810.000
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách		442.900.000	538.800.000
Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	68.500.000	164.400.000
Thành viên Hội đồng quản trị	01	115.200.000	115.200.000
Thành viên Hội đồng quản trị	01	115.200.000	115.200.000
Thành viên Ban kiểm soát	02	144.000.000	144.000.000
Cộng		3.035.955.000	4.222.760.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác
Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ, sở hữu 51,06% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	Công ty con, Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Chế biến Đặc sản Yến sào	Công ty con, Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Công ty con của Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận chuyển Nam Anh	Công ty do thành viên mật thiết trong gia đình của thành viên quản lý chủ chốt kiểm soát

Giao dịch với các bên liên quan khác
Ngoài các giao dịch với công ty con được trình bày tại thuyết minh số V.10 và giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa</i>		
Công ty chi trả cổ tức	35.587.200.000	32.604.750.000
Mua hàng hóa, dụng cụ, dịch vụ khác	44.397.352.244	65.549.043.410
Thuê xe vận chuyển, chi phí nhiên liệu	970.611.533	2.004.638.436
<i>Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa</i>		
Mua hàng hóa, dụng cụ và thành phẩm nước yến	57.091.282.546	102.499.566.235
<i>Công ty TNHH MTV Cung ứng vật tư nguyên liệu Khánh Hòa</i>		
Mua hàng hóa	8.229.379	4.499.400.000
<i>Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa</i>		
Mua hàng hóa, công cụ	7.592.164.818	7.528.629.899
<i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyến Bắc Nam</i>		
Mua xăng dầu và dịch vụ khác	17.176.267.639	17.983.043.048
<i>Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land</i>		
Mua vật liệu, phí tư vấn, sửa chữa...	1.577.982.985	1.279.064.756
Giao dịch khác	22.301.831	-

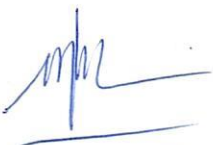
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Chi phí thuê xe, dịch vụ du lịch...	2.377.859.187	3.572.450.303
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Chi phí sử dụng dịch vụ	188.276.705	285.332.327
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Chi phí sử dụng dịch vụ	46.698.517	503.471.482
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan		
Mua hàng hóa	-	67.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận chuyển Nam Anh		
Chi phí vận chuyển	547.915.508	821.655.084

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4 và V.12.

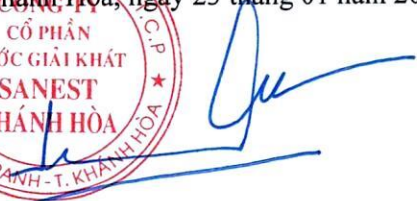
Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**
Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ Yến sào và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.
3. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**
Theo Nghị quyết số 13/NQ-SKH ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng quản trị, hai công ty con là Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa và Công ty TNHH MTV Chế biến Đặc sản Yến sào sẽ sáp nhập (trong đó Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa là bên nhận sáp nhập). Sau sáp nhập, vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa sẽ tăng từ 36 tỷ đồng lên thành 72 tỷ đồng. Thời gian dự kiến hoàn thành sáp nhập trong Quý 1 năm 2025.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Ngô Thị Xuân Nghĩa
Người lập/Phụ trách kế toán


Lê Hoàng Anh
Tổng Giám đốc


Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật



Khánh Hòa, ngày 23 tháng 01 năm 2025